

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Địa chỉ: 47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C (AME)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH- QUÝ IV/2017

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (31/12/2017)	Số đầu năm (01/01/2017)
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		459,283,745,900	340,556,538,041
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22,073,095,072	3,317,784,431
1. Tiền	111		20,965,543,072	3,317,784,431
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,107,552,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	48,160,338,516
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	48,160,338,516
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		334,890,203,375	176,059,429,340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	178,274,426,886	125,872,432,382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		165,011,929,901	56,088,840,070
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1,311,234,339	1,608,046,109
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,707,387,751)	(7,509,889,221)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	97,517,466,676	111,322,129,123
1. Hàng tồn kho	141		97,517,466,676	111,322,129,123
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,802,980,777	1,696,856,632
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73,062,236	94,513,974
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,575,582,143	1,602,342,658
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		2,154,336,398	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85,307,326,732	106,780,188,209
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8,961,529,965	9,724,880,967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	8,928,548,300	9,724,880,967
- Nguyên giá	222		20,517,683,530	19,533,385,683
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11,589,135,230)	(9,808,504,716)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	32,981,665	-

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (31/12/2017)	Số đầu năm (01/01/2017)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	228		215,980,000	180,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(182,998,335)	(180,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	20,653,321,971
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20,746,601,969
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(93,279,998)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.11	76,345,796,767	76,401,985,271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		76,345,796,767	76,401,985,271
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		544,591,072,632	447,336,726,250
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		396,296,308,846	311,027,946,954
I. Nợ ngắn hạn	310		387,725,257,858	303,079,938,065
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		155,963,723,110	93,826,192,386
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		75,870,189,063	153,439,016,249
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8,711,848,685	482,901,083
4. Phải trả người lao động	314		1,135,874,813	825,922,714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	418,826,916	585,531,002
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	596,240,000	1,720,670,336
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7,737,909,077	7,417,629,305
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	137,290,646,194	44,782,074,990
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8,571,050,988	7,948,008,889
1. Phải trả người bán dài hạn	331		1,162,500,000	1,162,500,000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		4,595,217,394	4,613,633,894
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2,813,333,594	2,171,874,995
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (31/12/2017)	Số đầu năm (01/01/2017)
1	2	3	4	5
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		148,294,763,786	136,308,779,296
I. Vốn chủ sở hữu	410		148,294,763,786	136,308,779,296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	120,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,000,000,000	120,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		840,866,910	840,866,910
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,453,896,876	15,467,912,386
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15,347,457,995	13,247,813,066
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,106,438,881	2,220,099,320
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		544,591,072,632	447,336,726,250

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)


N. Tuan Trang

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Bui Hoàng Tuấn

Đơn vị báo cáo : Công ty cổ phần Alphanam E&C
 Địa chỉ : 47 Vũ Trọng Phụng, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Mẫu số B02-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2017

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	114,875,834,961	142,643,307,730	765,956,015,963	408,040,097,019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3,151,335,849	-	4,384,177,005	236,239,385
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		111,724,499,112	142,643,307,730	761,571,838,958	407,803,857,634
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	93,283,906,970	133,225,798,519	726,690,405,900	383,374,650,854
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18,440,592,142	9,417,509,211	34,881,433,058	24,479,206,780
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	119,924,858	1,884,645	309,984,713	15,759,099
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2,674,652,659	1,242,879,163	5,914,117,806	5,392,589,677
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,872,592,861	1,469,929,922	5,914,117,806	5,505,129,319
8. Chi phí bán hàng	24		(157,571,620)	691,906,929	1,713,880,250	5,576,254,318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,091,753,606	6,085,066,537	11,650,659,942	10,601,370,217
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		13,951,682,355	1,399,541,227	15,912,759,773	2,924,781,667
11. Thu nhập khác	31	VI.07	374,236,977	2,366	681,968,402	58,836,831
12. Chi phí khác	32	VI.08	1,321,325,108	8,660	1,358,181,381	178,863,581
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(947,088,131)	(6,294)	(676,212,979)	(120,026,730)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13,004,594,224	1,399,534,933	15,236,546,794	2,804,754,937
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,625,699,366	298,663,114	3,130,107,913	584,655,617
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	VI.09	10,378,894,858	1,100,871,819	12,106,438,881	2,220,099,320
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	61		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	70		865	91,74	1,009	185

Ngày ..20.. tháng ..01.. năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ký, đóng dấu)


Nguyễn Tuấn Dương


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)


Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		780,306,500,200	546,324,190,347
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(828,370,405,158)	(521,976,242,217)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12,047,365,601)	(12,380.838.911)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5,417,870,704)	(3,448,470,397)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(522,339,241)	(372,017,793)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		97,808,128,511	125,211,419,343
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(70,335,608,966)	(96,031,634,850)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(38,578,960,959)	37,326,405,522
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32,998,209)	(61,641,572)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46,022,695	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		13,024,486	(61,641,572)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		136,867,679,526	24,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(79,546.432,412)	(61.519.902.621)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
1	2	3	4	5
6, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57,321,247,114	(37,519,902,621)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		18,755,310,641	(255,138,671)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,317,784,431	3,572,923,102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		22,073,095,072	3,317,784,431

Người lập
(Ký, họ tên)


Nguyễn Đan Trường

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền

Ngày 01 tháng 01 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ký, đóng dấu)




Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Alphanam E&C là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, đầu tư, thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

- Bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Bán buôn tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí cải tạo, sửa chữa tòa nhà thuê tại số 02 Đại Cồ Việt - Hà Nội.
- Chi phí thuê sàn tầng 2 & 3 Tòa nhà Sakura Tower;
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

C phí thuê sàn của tòa nhà Sakura Tower số 47 Vũ Trọng Phụng được phân bổ theo thời gian thuê là 50 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	76.301.163	165.474.963
- Tiền gửi ngân hàng - VND	20.879.580.163	3.143.247.722
- Tiền gửi ngân hàng - ngoại tệ	9.061.746	9.061.746
- Các khoản tương đương tiền	1.107.552.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng</i>	<i>1.107.552.000</i>	<i>-</i>
Cộng	22.072.495.072	3.317.784.431

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chứng khoán kinh doanh	-	48.160.338.516
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	20.746.601.969
Cộng	-	68.906.940.485

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngắn hạn	178.227.740.766	125.872.432.382
- Dài hạn	-	-
Cộng	178.227.740.466	125.872.432.382

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngắn hạn	1.311.234.339	1.608.046.109
- Dài hạn	-	-
Cộng	1.311.234.339	1.608.046.109

05. Tài sản thiếu chờ xử lý**06. Nợ xấu****07. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.875.416.338	54.172.789.362
- Thành phẩm	15.268.182	15.268.182
- Hàng hoá	29.626.782.156	57.134.071.579
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	97.517.466.676	111.322.129.123

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>3.610.561.411</i>	<i>15.396.703.398</i>	<i>897.934.972</i>	<i>20.983.708.821</i>
- Mua trong kỳ	-	102.598.182	-	324.165.818	426.764.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(892.789.291)	-	(892.789.291)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>3.713.159.598</i>	<i>14.503.914.107</i>	<i>1.222.100.790</i>	<i>11.589.135.230</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>1.178.432.092</i>	<i>8.333.768.103</i>	<i>591.323.791</i>	<i>11.182.033.026</i>
- Khấu hao trong kỳ	-	314.096.966	1.239.701.326	130.269.924	1.684.068.216
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(892.789.291)	-	(892.789.291)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>1.492.529.058</i>	<i>8.680.680.138</i>	<i>721.593.715</i>	<i>11.589.135.230</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	<i>2.396.366.683</i>	<i>7.062.935.295</i>	<i>282.473.318</i>	<i>9.741.775.296</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	<i>2.082.269.717</i>	<i>6.694.075.189</i>	<i>152.203.394</i>	<i>8.928.548.300</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.703.440.148 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>
- Mua trong kỳ	35.980.000	35.980.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>215.980.000</i>	<i>215.980.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>182.998.335</i>	<i>182.998.335</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.998.335	2.998.335
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>185.996.670</i>	<i>185.996.670</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>29.983.330</i>	<i>29.983.330</i>

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	73.062.236	94.513.974
Dài hạn	76.345.796.767	76.401.985.271
Cộng	76.418.859.003	76.496.499.245

11. Tài sản khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	-	-
Cộng	-	-

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	137.290.646.194	44.782.074.990
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Vay dài hạn	2.813.333.594	2.171.874.995
Cộng	140.103.979.788	46.953.949.985

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	5.210.344.252	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.121.451.685	432.575.111
Thuế thu nhập cá nhân	380.052.748	50.325.972
Cộng	8.711.848.685	482.901.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	418.826.916	585.531.002
Cộng	418.826.916	585.531.002

15. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	7.737.309.077	7.417.629.305
Dài hạn	4.595.217.394	4.613.633.894
Cộng	12.332.526.471	12.031.263.199

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	596.240.000	1.720.670.336
Dài hạn	-	-
Khả năng không thực hiện được hợp đồng	-	-
Cộng	596.240.000	1.720.670.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	-	840.866.910	15.347.457.995	136.188.324.905
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.106.438.881	12.106.438.881
Tăng khác	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	120.000.000.000	-	840.866.910	27.453.896.876	148.294.763.786
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	10.378.894.858	10.378.894.858
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(89.764.130)	(89.764.130)
Số dư cuối kỳ	120.000.000.000	-	840.866.910	16.985.237.888	158.583.894.514

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của cổ đông	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV/2017	Quý IV/2016
- Doanh thu bán hàng hóa	79.772.142.998	45.247.363.706
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.672.031.700	1.430.026.500
- Doanh thu hoạt động xây lắp	26.503.739.681	92.149.387.315
- Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	3.776.584.733	3.816.530.209
Cộng	111.724.499.112	142.643.307.730

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV/2017	Quý IV/2016
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	3.151.335.849	-
Cộng	3.151.335.849	-

x

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV/2017	Quý IV/2016
- Doanh thu bán hàng hóa	76.620.807.149	45.247.363.706
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.672.031.700	1.430.026.500
- Doanh thu hoạt động xây lắp	26.503.739.681	92.149.387.315
- Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	3.776.584.733	3.816.530.209
Cộng	111.724.499.112	142.643.307.730

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý IV/2017</u>	<u>Quý IV/2016</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	66.649.497.106	44.909.148.971
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.290.348.317	1.081.096.646
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	22.897.927.690	85.087.889.418
- Giá vốn BDS đầu tư	2.446.133.857	2.147.663.484
Cộng	<u><u>93.283.906.970</u></u>	<u><u>133.225.798.519</u></u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV/2017</u>	<u>Quý IV/2016</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.924.858	1.884.645
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi tài chính khác	-	-
Cộng	<u><u>119.924.858</u></u>	<u><u>1.884.645</u></u>

06. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV/2017</u>	<u>Quý IV/2016</u>
- Lãi tiền vay	2.872.592.861	1.469.929.922
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Cộng	<u><u>2.872.592.861</u></u>	<u><u>1.469.929.922</u></u>

07. Thu nhập khác

	<u>Quý IV/2017</u>	<u>Quý IV/2016</u>
Thu nhập khác	374.236.977	2.366
Cộng	<u><u>374.236.977</u></u>	<u><u>2.366</u></u>

08. Chi phí khác

	<u>Quý IV/2017</u>	<u>Quý IV/2016</u>
Chi phí khác	1.321.325.108	8.660
Cộng	<u><u>1.321.325.108</u></u>	<u><u>8.660</u></u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý IV/2017</u>	<u>Quý IV/2016</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	2.625.699.366	298.663.114
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u><u>2.625.699.366</u></u>	<u><u>298.663.114</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(*) Chi tiết**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	13.004.594.224
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(2)	90.410.550
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (= (1) + (2))	(3)	13.418.586.993
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	(4)	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (= (3) x (4))	(5)	2.683.717.399

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về bộ phận****02. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****03. Thông tin về hoạt động liên tục**


Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Nguyễn Tuấn Trang
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trương Thị Thu Hiền
CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Hoàng Tuấn

